

## NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO QUỐC TẾ HỌC

Nguyễn Quang Thuán\*

Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

### TÓM TẮT

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trở thành xu thế tất yếu của nhiều quốc gia trên thế giới. Quốc tế học ngày càng có vị trí quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tài nguyên thiên nhiên, môi trường... của thế giới và mỗi quốc gia. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi cố gắng phân tích và làm rõ một số khái niệm quan trọng của quốc tế học như quốc tế học, quan hệ quốc tế, mối quan hệ giữa hai khái niệm này và đặc biệt phân tích tình hình, xu thế nghiên cứu quốc tế học hiện nay như lĩnh vực nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, đặc tính của nghiên cứu quốc tế học và xu thế đào tạo tích hợp quốc tế học với các ngôn ngữ hiện đại của các nước trên thế giới.

**Từ khóa:** quan hệ quốc tế, quốc tế học, đất nước học, nghiên cứu quốc tế học, đào tạo quốc tế học

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ và phát triển ngày nhanh hơn và sâu hơn. Hội nhập quốc tế trở thành xu thế tất yếu của nhiều quốc gia trên thế giới. Chúng ta đang sống trong một thế giới mà quốc tế, khu vực và các quốc gia đang ngày càng xích lại gần nhau. Chưa bao giờ thế giới nhỏ bé như hiện nay. Khủng hoảng tài chính ở Hy Lạp, một quốc gia nhỏ ở Châu Âu với diện tích hơn khoảng 13 vạn km vuông và 11 triệu dân, không còn là vấn đề của riêng Hy Lạp mà nó tác động trực tiếp trước hết tới toàn khu vực sử dụng đồng tiền chung Châu Âu và sau đó đến thế giới. Hay việc Cục Dự trữ liên bang Mỹ quyết định tăng hay giữ nguyên lãi suất cơ bản làm cả thế giới hồi hộp chờ đợi, bởi vì vấn đề này không chỉ tác động và ảnh hưởng ở nước Mỹ mà nó sẽ tác động và ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế toàn cầu. Thật vậy, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, dù mang tính kinh tế, văn hóa hay chính trị, cũng làm nảy sinh hàng loạt vấn đề quốc tế phức tạp. Khủng hoảng ở Ucraina, ở Syria, nhà nước Hồi giáo tự xưng, phá giá đồng nhân dân tệ của Trung Quốc, dịch Ebola ở Châu Phi, biến đổi khí hậu với lũ lụt, hạn hán ở nhiều quốc gia, và gần đây là khủng hoảng di cư ở Châu Âu... là những vấn đề quốc tế hết sức phức tạp đòi hỏi không

phải một hay hai quốc gia mà là nhiều quốc gia tham gia giải quyết. Những vấn đề quốc tế này đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà lãnh đạo, nhiều nhà nghiên cứu và đã hình thành một ngành khoa học, một lĩnh vực nghiên cứu liên ngành quan trọng. Đây là một lĩnh vực nghiên cứu đặt ra nhiều thách thức thực sự và đòi hỏi các nhà nghiên cứu có năng lực phân tích, xử lý các vấn đề cực kì phức tạp và qui mô ngày càng càng lớn.

### Từ quan hệ quốc tế đến quốc tế học

Khởi đầu, *quan hệ quốc tế* (QHQT) được xem như là một lĩnh vực nghiên cứu riêng biệt, một bộ môn hay chuyên ngành khoa học. Vào năm 1919, một chương trình nghiên cứu quan hệ quốc tế có tên là Woodrow Wilson ra đời ở trường đại học Aberystwyth, Vương quốc Anh. Đầu những năm 1920, một chương trình nghiên cứu QHQT được thành lập ở trường kinh tế Luân Đôn (London School of Economics) theo đề nghị của Noël-Baker, giải thưởng Nobel. Các nhà nghiên cứu quan tâm đến quan hệ quốc tế, thuộc khoa học chính trị, được coi là các nhà khoa học theo chủ nghĩa quốc tế (*Internationaliste*). Suốt nhiều thập kỷ, cộng đồng khoa học QHQT này đã xây dựng một tập hợp các lý thuyết và các khái niệm liên quan tới quan hệ quốc tế. Đồng thời các nhà khoa học này cũng đã đưa ra phương pháp luận nghiên cứu khoa học mang tính đặc

\* Tel: 0912004484; Email: ngquangthuan@yahoo.fr

thù của quan hệ quốc tế và quốc tế học (QTH). Quan hệ quốc tế tạo nên một lĩnh vực chuyên biệt, thuộc về khoa học chính trị, khoa học tập trung chủ yếu vào nghiên cứu và xử lý các vấn đề xung đột, hòa bình, thương mại, vv. giữa các quốc gia (Hey, 2004).

Có rất nhiều định nghĩa về quan hệ quốc tế, theo cách truyền thống hay mang tính khái quát, khái niệm này vẫn gắn với các quan hệ giữa các quốc gia, các nhà nước hoặc về chính trị, về kinh tế, về thương mại, vv. Về mối quan hệ giữa quan hệ quốc tế với quốc tế học, cũng có nhiều quan điểm khác nhau. Tại Đại học Oxford, Vương quốc Anh, QTH và QHQT bị đồng nhất. Quốc tế học được coi như là một bộ phận của quan hệ quốc tế và có vai trò thúc đẩy việc nghiên cứu quan hệ quốc tế quốc tế (Nguyen Hoa, 2012 : 158). Cũng có một số tác giả lại cho rằng đây là hai lĩnh vực nghiên cứu hỗ trợ cho nhau, nhưng quan hệ quốc tế là một bộ phận của quốc tế học (Lake, 2000). Anderson và các cộng sự của ông đã phân biệt và xác định rất rõ mối quan hệ giữa hai lĩnh vực này. Theo các tác giả, “Quốc tế học là một khoa học liên ngành và hình thành cách tiếp cận *liên ngành* để khám phá thế giới. Theo nghĩa này, các nhà nghiên cứu quốc tế học dựa trên nhiều lĩnh vực, trong đó có khoa học chính trị, để đưa ra các kết luận. Khác với quốc tế học, quan hệ quốc tế là một bộ phận đặc thù của khoa học chính trị. Quan hệ quốc tế là một bộ phận của quốc tế học – nghiên cứu chính trị giữa các nhà nước là một bộ phận chủ yếu vathen chốt của quốc tế học – nhưng vẫn khác với quốc tế học bởi vì nghiên cứu quan hệ quốc tế thực chất vẫn là nghiên cứu chính trị, hơn là nghiên cứu liên ngành.” (Anderson et al, 2008: 16).

Như vậy, quốc tế học là ngành khoa học có nhiệm vụ nghiên cứu các vấn đề quốc tế liên quan tới toàn cầu hay khu vực. Nói một cách khác, các vấn đề quốc tế này chính là đối tượng nghiên cứu của quốc tế học. Hiểu theo nghĩa này, nghiên cứu đất nước học (Country Studies / Etudes de pays) không thuộc quốc tế

học (International Studies/ Etudes Internationales) và là những ngành khoa học độc lập, ví dụ như Việt Nam học (Vietnamese Studies / Etudes vietnamiennes) hay Nga học (Russian Studies / Etudes russes), vv. Hơn thế nữa, nếu ta xem xét dưới góc độ cấu tạo từ trong tiếng Việt, tất cả các thuật ngữ có kết thúc bằng từ “học” như toán học, vật lý học, hóa học, sinh học, Nhật học, Nga học, Hoa Kỳ học, vv. đều là một ngành hay bộ môn khoa học độc lập. Tương tự như trong tiếng Anh, các ngành khoa học kết thúc bằng từ “Study” (số ít) hay “Studies” (số nhiều) hay trong tiếng Pháp bắt đầu bằng từ “Etude” (số ít) hay Etudes (số nhiều). Tuy nhiên, một số vấn đề mang tính quốc gia hay mang tính chất vùng có liên quan đến các quốc gia khác và rộng hơn là toàn cầu cũng là đối tượng nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy quốc tế học. Cụ thể hơn, QTH có nhiệm vụ nghiên cứu các vấn đề mang tính quốc tế như lịch sử thế giới, quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế, môi trường quốc tế, an ninh quốc tế, giao thoa/ xuyên văn hóa, vv.

Suốt nhiều thập kỷ qua, đặc biệt từ những năm đầu của thế kỷ 20, nghiên cứu quốc tế học, nhất là nghiên cứu quan hệ quốc tế đã có bước phát triển hết sức mạnh mẽ. Trước hết phải kể đến một loạt các chương trình nghiên cứu quan hệ quốc tế (QHQT) được thực hiện vào đầu những năm 1920, ví dụ như chương trình nghiên cứu mang tên Woodrow Wilson của trường đại học Aberystwyth, chương trình nghiên cứu QHQT của trường kinh tế Luân Đôn... Cùng với thời điểm này, nhiều khoa, trường đại học QHQT, QTH ra đời. Trước hết phải kể đến trường QHQT thuộc đại học Georgetown, trường đại học QHQT lâu đời nhất của Mỹ. Trường QHQT thuộc đại học Chicago, trường QHQT đầu tiên trên thế giới cấp bằng cử nhân QHQT, Trường Quốc tế học cao cấp của đại học Johns-Hopkins (Anh), etc. Cuối cùng không thể không nói đến Học viện QTH cao cấp Genève được thành lập năm 1927 ở Genève, Thụy Sĩ, Học

viện quốc tế học - Đại học Laval, Canada đây là hai học viện QTH đầu tiên trên thế giới đào tạo và cấp bằng tiến sĩ về QTH.

### Nghiên cứu quốc tế học

#### *Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của quốc tế học là tất cả các vấn đề mang tính quốc tế. Tuy nhiên, nghiên cứu quốc tế học không thể giải quyết được tất cả các vấn đề toàn cầu hay khu vực mà chỉ tập trung vào một số vấn đề quan trọng nhất và cấp bách nhất. Các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu như quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, luật quốc tế, thương mại quốc tế, lịch sử thế giới, toàn cầu hóa với văn hóa, văn hóa, tôn giáo và bản sắc, di cư và tị nạn, môi trường và tài nguyên thiên nhiên, vv.

#### *Các lĩnh vực nghiên cứu*

Như vừa trình bày ở trên, đối tượng nghiên cứu của quốc tế học là các vấn đề mang tính quốc tế, nên các lĩnh vực nghiên cứu cũng như giảng dạy phải tập trung vào các đối tượng nghiên cứu này. Tuy nhiên, nghiên cứu quốc tế học không thể giải quyết được tất cả các vấn đề toàn cầu hay khu vực mà chỉ tập trung vào một số vấn đề quan trọng nhất và cấp bách nhất. Các lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu sau: quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, luật quốc tế, thương mại quốc tế, lịch sử thế giới, toàn cầu hóa với văn hóa, văn hóa, tôn giáo và bản sắc, di cư và tị nạn, môi trường và tài nguyên thiên nhiên, vv. Ví dụ, Học viện QTH Genève có 14 lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu. Sau đây chúng tôi xin giới thiệu vắn tắt 14 lĩnh vực nghiên cứu này. Đây là các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế học rất phổ biến ở các trung tâm nghiên cứu, các viện nghiên cứu và các trường đại học trên thế giới.

Lĩnh vực thứ nhất với tên gọi "Các tác nhân phi nhà nước và xã hội dân sự" (Non-state Actors and Civil Society/ Acteurs non étatiques et société civile). Các nghiên cứu trong lĩnh vực này tập trung vào huy động xã hội, các phong trào xuyên quốc gia, xã hội dân sự, nghĩa vụ quốc tế của các tác nhân phi nhà nước.

Tiếp đến là lĩnh vực "Hành động nhân đạo" (Humanitarian Action / Action humanitaire). Các nghiên cứu trong lĩnh vực này tập trung vào quyền con người, quyền nhân đạo, hành động nhân đạo và quản lý liên tục các thảm họa. Học viện QTH Genève là học viện hàng đầu trên thế giới về lĩnh vực nghiên cứu này.

Thương mại, chính sách phân quyền cho địa phương và hội nhập (Trade, Regionalisme and Integration / Commerce, régionalisme et intégration) là một lĩnh vực nghiên cứu của Học viện. Hệ thống thương mại thế giới, hội nhập tiền tệ khu vực, các hệ thống cung cấp tiếp tế và kinh tế cạnh tranh là các đối tượng nghiên cứu của lĩnh vực này.

Lĩnh vực nghiên cứu thứ tư có tên là "Xung đột, an ninh và củng cố hòa bình" (Conflict, Security and Peacebuilding / Conflits, sécurité et consolidation de la paix). Lĩnh vực này thiên về nghiên cứu về chiến tranh, bạo lực, giải quyết xung đột và quan hệ quốc tế.

Văn hóa, tôn giáo và bản sắc là lĩnh vực nghiên cứu thứ năm (Culture, Religion and Identity/Culture, religion et identité). Các nghiên cứu tập trung vào quản trị văn hóa và đa văn hóa, tôn giáo, dân tộc chủ nghĩa, các vấn đề liên quan tới các dân tộc thiểu số và các ý tưởng chính trị.

Phát triển nông thôn (Rural Development / Développement rural) cũng là một lĩnh vực nghiên cứu đáng chú ý. Các nghiên cứu tập trung vào các chính sách phát triển nông thôn và nông nghiệp cũng như sở hữu bất động sản và tổ chức chính trị.

Lĩnh vực nghiên cứu thứ bảy có tên là "Môi trường và tài nguyên thiên nhiên" (Environment and Natural Resources/ Environnement et ressources naturelles). Các dự án nghiên cứu trong lĩnh vực này tập trung vào năng lượng, tài nguyên, đa sinh học, khí hậu cũng như các chính sách, bảo vệ và an ninh môi trường.

Lĩnh vực nghiên cứu Tài chính (Finance/ Finance) với các dự án nghiên cứu về chính sách tiền tệ, tài chính, ngân hàng, nợ, di chuyển vốn và luật quốc tế về đầu tư.

Các nghiên cứu về giới trong các lĩnh vực quan hệ quốc tế và phát triển, quyền sinh sản, quyền phụ nữ sau thời kỳ thực dân và việc làm của phụ nữ hình thành một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng của Học viện với tên lĩnh vực nghiên cứu giới (Gender/ Genre).

Quản trị (Governance/ Gouvernance) là một lĩnh vực với các nghiên cứu liên quan đến các tổ chức quốc tế, các phê chuẩn của Liên hợp quốc, các lý thuyết về luật quốc tế, quản trị khu vực và xuyên quốc gia và các vấn đề qui hoạch đô thị.

Di cư và tị nạn (Migration and Refugees/ Migrations et réfugiés) là một lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến chính sách nhập cư, những người di cư, tị nạn, các thói quen tiết kiệm của những người di cư và các luồng kinh tế, văn hóa và xuyên biên giới.

Toàn cầu hóa (Globalisation/ Mondialisation) cũng là một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng với các nghiên cứu tập trung vào chủ nghĩa hậu thực dân, toàn cầu hóa tài chính, lịch sử phát triển kinh tế, việc làm và chủ nghĩa tư bản, và khủng hoảng kinh tế.

Lĩnh vực nghiên cứu thứ mười ba liên quan tới các chính sách và thực hành phát triển (Development policies and Practices/ Politiques et pratiques du développement). Các nghiên cứu thuộc lĩnh vực này tập trung vào kinh tế phát triển, hợp tác và các chính sách hỗ trợ phát triển, các tiến triển xã hội-chính trị, bất bình đẳng và nghèo đói.

Giải quyết tranh chấp (Dispute Settlement/ Règlement des différends) là lĩnh vực nghiên cứu cuối cùng. Lĩnh vực này tập trung vào nghiên cứu các cơ chế giải quyết các tranh chấp quốc tế.

#### **Phương pháp tiếp cận nghiên cứu**

Trước hết là phương pháp tiếp cận. Tiếp cận đa ngành, xuyên ngành hay liên ngành là câu hỏi thường được đặt ra trong các nghiên cứu quốc tế học.

Trong các nghiên cứu khoa học, nhất là là các nghiên cứu liên quan đến nhiều ngành khoa

học khác nhau, người ta đặc biệt chú ý đến cách tiếp cận. Người ta thường phân biệt ba cách tiếp cận: tiếp cận đa ngành (*pluridisciplinary*), tiếp cận xuyên ngành (*transdisciplinary*) và tiếp cận liên ngành (*interdisciplinary*). Các tác giả tranh luận nhiều về các cách tiếp cận này. Vậy trong nghiên cứu Quốc tế học chọn cách tiếp cận nào là phù hợp.

#### **Đặc tính đa ngành (pluridisciplinary)**

Theo Forest et al (2009), *đa ngành* là thuật ngữ đa nghĩa. Nó có là cuộc gặp gỡ xung quanh một chủ đề của các nhà nghiên cứu đến từ các ngành khoa học khác nhau, nhưng mỗi người có đóng góp phần mình vào một mục đích chung.

Về phương diện thực hành, tính đa ngành dựa trên nhiều ngành khoa học trong việc phân tích và hiểu một vấn đề. Nó thường cấu thành từ hai hay nhiều ngành khoa học. Tính đa ngành không dẫn đến một sự tích hợp nào và chỉ tạo ra một sự tương tác rất nhỏ (Lengwiller, 2006). Rất ít các nhà nghiên cứu độc lập muốn đi theo con đường đó bởi vì rất khó có thể nắm bắt và kết hợp một cách thỏa đáng các đóng góp lý thuyết của nhiều ngành khoa học. Ngoài ra, trên thực tế cũng không tồn tại phương pháp nghiên cứu đa ngành.

Mặt khác, tính đa ngành ám chỉ một tình huống mà ở đó có ít nhất hai ngành hay bộ môn khoa học tham gia vào. Điều này có thể giải thích vì sao quốc tế học được xác định như là đa ngành trong nghĩa là nó chấp nhận các đóng góp khoa học của tất cả các bộ môn khoa học. Một nhóm các nhà nghiên cứu đa ngành tạo thành tính đa dạng của các ngành khoa học mà không nhất thiết phải có một phương pháp nghiên cứu thật sự đa ngành. Không phải bàn cãi, trong khi các nghiên cứu Quốc tế học mang tính đa ngành, cách tiếp cận như vậy tỏ ra có vấn đề, đặc biệt là sẽ gặp nhiều khó khăn và khó khăn lớn nhất là tích hợp nhiều bộ môn khoa học trong cùng một dự án nghiên cứu.

### *Đặc tính xuyên ngành (transdisciplinary)*

Đặc tính *xuyên ngành* là muốn nói đến tri thức của nhiều ngành khoa học khác nhau được tích hợp lại không còn ranh giới khoa học giữa chúng nữa. Cấp độ tích hợp cao hơn cách tiếp cận *đa ngành* rất nhiều. Thực chất là tham vọng của một số ít mong muốn xây dựng một cách tiếp cận độc đáo bằng cách sáp nhập hai hay nhiều ngành khoa học lại với nhau để hình thành một nền phương pháp luận, khoa học luận, lý thuyết chung (Forest et al, 2009). Tiên tố "xuyên" (trans) ở đây là một cái gì đó vừa đồng thời *giữa* các ngành khoa học, vừa *qua* các ngành khoa học khác nhau và vừa *ở trên* tất cả các ngành khoa học khác. Cách tiếp cận như vậy coi cái "toàn bộ" vượt lên trên tổng các phần (Morin, 1997). Theo nhiều nhà khoa học, cách tiếp cận nhằm thống nhất các tri thức lại này là không tưởng. Ví dụ, sẽ khó và rất khó tích hợp ngành luật quốc tế với kinh tế quốc tế. Một ví dụ khác, theo Forest et al (2009), dự án nghiên cứu nhằm hợp nhất các nghiên cứu trong lĩnh vực an ninh của Beier & Armold (2005) là ảo tưởng và viễn vông.

### *Đặc tính liên ngành (interdisciplinary)*

Trong các cách tiếp cận kể trên, cách tiếp cận liên ngành được coi là phù hợp nhất và được giới khoa học chấp nhận. Theo Forest et al (2009), có nhiều tác giả muốn lý thuyết hóa, xác định phạm vi của cách tiếp cận này (Aboelela et al., 2007; Bradbeer, 1999; Moran, 2006). Tiếp cận liên ngành được xem như một đối thoại, trao đổi tri thức, kết quả các phân tích, các phương pháp giữa hai hay nhiều ngành khoa học về một chủ đề nghiên cứu.

Ở một cấp độ khác, cách tiếp cận liên ngành có hai đòi hỏi lớn đối với nhà nghiên cứu một mặt phải làm chủ các bộ môn khoa học mà mình là chuyên gia, mặt khác các mối quan hệ mà nó liên kết các ngành khoa học này lại. Cách tiếp cận liên ngành đòi hỏi ở nhà nghiên cứu phải có khả năng xác định vấn đề nghiên cứu, kết hợp hài hòa lý thuyết với các khái niệm và phương pháp nghiên cứu. Việc hợp

tác, trao đổi giữa các chuyên gia ở những lĩnh vực khác nhau sẽ tạo điều kiện chuyên gia tri thức và phương pháp nghiên cứu từ ngành khoa học này sang ngành khoa học khác. Vì vậy, nó sẽ mở ra con đường giải quyết một cách độc đáo những vấn đề không thể giải quyết trong một lĩnh vực.

Các tác giả thường phân biệt ba cấp độ liên ngành. Cấp độ thứ nhất là phải xem xét đến một ngành khoa học khác, có nghĩa là trong quá trình nghiên cứu phải đề cập các yếu tố đến từ một chuyên ngành khoa học khác nhưng liên quan đến nghiên cứu. Cấp độ thứ hai là phải áp dụng lý thuyết, các công cụ nghiên cứu của chuyên ngành liên quan cho một chuyên ngành mà mình nghiên cứu. Cấp độ thứ ba là phải tích hợp các chuyên ngành khoa học khác nhau bằng việc đối chiếu và tích hợp các cách tiếp cận của mỗi chuyên ngành khoa học để giải quyết một vấn đề nghiên cứu duy nhất (Morin, 1994). Các nghiên cứu liên ngành trong quốc tế học nằm ở hai cấp độ hai và ba, tức là cấp độ áp dụng và cấp độ tích hợp với mục đích là ưu tiên xây dựng cách tiếp cận liên ngành. Các cấp độ liên ngành này, xuất hiện ngay khi xác định vấn đề nghiên cứu, góp phần vào xác định đối tượng nghiên cứu chung của các chuyên ngành khoa học liên quan.

### *Phương pháp nghiên cứu*

Như vừa trình bày ở trên, những vấn đề nghiên cứu quốc tế hay những lĩnh vực nghiên cứu quốc tế học phần lớn, nếu không muốn nói là hầu hết đều thuộc khoa học xã hội như lịch sử thế giới, luật học quốc tế, kinh tế thế giới, toàn cầu hóa, di cư và tỵ nạn, vv. Do đặc tính này của quốc tế học, các nghiên cứu quốc tế không những thuộc nhóm nghiên cứu định lượng (quantitative Research) mà rất nhiều thuộc nhóm các nghiên cứu định tính (qualitative Research).

Nếu như trong nghiên cứu khoa học có 3 cấp độ nghiên cứu khoa học tương ứng với 3 chức năng nghiên cứu.

Cấp độ 1 hay chức năng thứ nhất của nghiên cứu khoa học là mô tả tương ứng với chức năng này là các nghiên cứu mô tả, thường là 5 loại phổ biến:  *nghiên cứu mô tả đơn*,  *nghiên cứu mô tả so sánh*,  *nghiên cứu điều tra* (điều tra vừa là một loại hình nghiên cứu vừa là một công cụ hay phương pháp lấy dữ liệu),  *nghiên cứu trường hợp* và  *nghiên cứu lịch sử*. Nếu như có năm loại hình nghiên cứu mô tả, thì trong các nghiên cứu quốc tế học thuộc loại mô tả thì mô tả đơn chiếm tỷ trọng cao nhất. Nghiên cứu lịch sử cũng chiếm tỷ lệ đáng kể.

Cấp độ 2 hay chức năng thứ hai của nghiên cứu khoa học là giải thích tương ứng với chức năng này có hai loại nghiên cứu tương quan: loại thứ nhất là nghiên cứu khám phá xác định có tồn tại hay không các mối quan hệ giữa hai khái niệm hay hai biến, loại thứ hai ở mức độ cao hơn, đó là kiểm tra xác định mức độ tương quan giữa hai khái niệm hay hai biến. Nếu như có hai cấp độ hay hai loại hình nghiên cứu tương quan, thì các nghiên cứu tương quan ở cấp độ hai tức là các nghiên cứu không chỉ với mục đích là xem có tồn tại mối quan hệ giữa hai yếu tố hay giữa hai biến mà mục đích của nghiên cứu là kiểm tra xác định mức độ tương quan giữa hai khái niệm hay hai biến chiếm tỷ trọng cao nhất. Ví dụ nếu chỉ dùng nghiên cứu xem giữa nền kinh tế Mỹ với nền kinh tế toàn cầu có mối tương quan hay mối liên hệ nào không thì nghiên cứu này thuộc cấp độ một. Nếu nghiên cứu tác động của nền kinh tế Mỹ đối với kinh tế toàn cầu như ví dụ nêu trên, thì đây là nghiên cứu tương quan cấp độ hai.

Cuối cùng là cấp độ 3 hay chức năng thứ ba của nghiên cứu khoa học là dự đoán hay chứng minh tương ứng với chức năng này có hai loại nghiên cứu: nghiên cứu thực nghiệm và nghiên cứu gần như thực nghiệm. Như vậy, các nghiên cứu quốc tế học thường chỉ nằm ở hai cấp độ đầu: cấp độ mô tả và cấp độ giải thích.

Về loại hình nghiên cứu, trong bốn loại hình nghiên cứu lớn ( *nghiên cứu mô tả* (Descriptive Research),  *nghiên cứu tương quan* (Correlational Research),  *nghiên cứu thực nghiệm* (Experimental Research) và  *nghiên cứu hành động* (Action-Research)), phần lớn, nếu không muốn nói là hầu hết, các nghiên cứu quốc tế học thuộc hai loại hình nghiên cứu thứ nhất và thứ hai, đó là nghiên cứu mô tả (mô tả định lượng và mô tả định tính) và nghiên cứu tương quan. Có thể nói rằng không có nghiên cứu quốc tế học nào thuộc nào thuộc loại hình nghiên cứu thực nghiệm và nghiên cứu hành động. Ví dụ một số chủ đề nghiên cứu mô tả thường gặp như "  *Nghiên cứu khủng hoảng kinh tế thế giới những năm 2008-2015*", "  *Nghiên cứu khủng hoảng nhập cư Châu Âu năm 2015*", "  *Nghiên cứu tình hình kinh tế khu vực châu Á và Thế giới sau phá giá đồng nhân dân tệ của Trung Quốc*", "  *Nghiên cứu an ninh hàng hải ở Biển Đông*", vv. Ví dụ một số chủ đề nghiên cứu tương quan thường gặp như "  *Nghiên cứu mối quan hệ giữa cuộc nội chiến ở Syria với làn sóng di cư của người dân Syria và Châu Âu*", "  *Nghiên cứu tác động của nền kinh tế Mỹ với nền kinh tế thế giới*", "  *Nghiên cứu tác động của việc giá dầu giảm với kinh tế thế giới và kinh tế các nước sản xuất dầu lửa*", "  *Nghiên cứu mối quan hệ của ngôn ngữ với phát triển kinh tế toàn cầu*", vv.

## XU THẾ ĐÀO TẠO QUỐC TẾ HỌC

Do vai trò quan trọng của ngôn ngữ (ngoại ngữ) trong nghiên cứu và đào tạo quốc tế học và do mối tương quan hệ chặt chẽ giữa quốc tế học và các ngôn ngữ, nên một trong các xu thế tương đối phổ biến ở nhiều trường đại học và viện, trung tâm nghiên cứu quốc tế học trên thế giới là nghiên cứu vai trò và vị trí của ngoại ngữ trong quốc tế học và mối tương quan giữa quốc tế học với ngoại ngữ. Chương trình đào tạo **cử nhân tích hợp quốc tế học với ngôn ngữ hiện đại** (Integrated BA in International Studies and Modern Languages) đã xuất hiện ở nhiều trường đại học, đặc biệt

là ở các trường đại học Bắc Mỹ. Cấu trúc của chương trình thường bao gồm các môn quốc tế học và các môn ngoại ngữ. Tỷ trọng tín chỉ của các môn quốc tế học và tín chỉ các môn ngoại ngữ gần ngang nhau. Sinh viên theo học chương trình tích hợp quốc tế học và ngoại ngữ thường học các môn quốc tế học (bắt buộc hoặc tự chọn) và **hai ngoại ngữ bắt buộc tự chọn** trong các ngoại ngữ thông dụng trên thế giới như các tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Đức... Sau đây chúng tôi xin giới thiệu chương trình đào tạo cử nhân tích hợp quốc tế học và ngôn ngữ học hiện đại của Đại học tổng hợp Laval (Canada) làm ví dụ.

Chương trình đào tạo cử nhân tích hợp quốc tế học và ngôn ngữ học hiện đại của Đại học tổng hợp Laval gồm có 90 tín chỉ trong đó 18 tín chỉ dành cho khối kiến thức chung quốc tế học, 30 tín chỉ dành cho ngoại ngữ thứ nhất hay ngoại ngữ chính, 21 tín chỉ dành cho ngoại ngữ thứ hai hay ngoại ngữ phụ và 21 tín chỉ còn lại dành cho khối kiến thức chuyên ngành.

Khối kiến thức chung quốc tế học gồm có 6 môn học bắt buộc, mỗi môn 3 tín chỉ: Thông tin quốc tế (Information internationale), Nhập môn bản đồ thế giới (Introduction à la carte du monde), Thế giới ở thế kỷ XIX và thế kỷ XX (Le monde aux XIX<sup>e</sup> et XX<sup>e</sup> siècles), Thực trạng thế giới: môi trường kinh tế và lịch sử (État du monde: environnement économique et historique), Nhập môn phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Exercices méthodologiques), Trật tự thế giới ở thế kỷ XXI: vấn đề và viễn cảnh (Ordre mondial au XXI<sup>e</sup> siècle: problématiques et perspectives).

Khối kiến thức dành cho ngoại ngữ thứ nhất 30 tín chỉ tự chọn tùy theo số lượng tín chỉ của ngoại ngữ mà sinh viên tự chọn. Ngoại ngữ thứ nhất được chọn một trong chín ngoại ngữ là Đức, Anh, Á-Rập, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Ý, Nhật, Bồ Đào Nha và Nga (Allemand, Anglais, Arabe, Chinois, Espagnol, Italien, Japonais, Portugais, Russe).

Khối kiến thức dành cho ngoại ngữ thứ hai 21 tín chỉ tự chọn tùy theo số lượng tín chỉ của ngoại ngữ mà sinh viên tự chọn. Ngoại ngữ thứ hai cũng được chọn một trong chín ngoại ngữ là Đức, Anh, Á-Rập, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Ý, Nhật, Bồ Đào Nha và Nga (Allemand, Anglais, Arabe, Chinois, Espagnol, Italien, Japonais, Portugais, Russe). Nguyên tắc chọn ngoại ngữ là nếu chọn **ngoại ngữ thứ nhất** là một trong 9 ngoại ngữ nói trên thì **ngoại ngữ thứ hai** là một trong 8 ngoại ngữ còn lại. Ví dụ, nếu chọn tiếng Đức là ngoại ngữ thứ nhất, thì ngoại ngữ thứ hai sẽ là một trong 8 ngoại ngữ còn lại (Anh, Á-Rập, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Ý, Nhật, Bồ Đào Nha và Nga).

Khối kiến thức chuyên ngành bao gồm có 5 chuyên ngành để sinh viên lựa chọn: *truyền thông công cộng*, (communication publique), *phát triển quốc tế* (développement international), *kinh tế* (économique), *môi trường* (environnement) và *chính trị* (politique). Mỗi chuyên ngành gồm có 21 tín chỉ. Sinh viên sẽ chọn học một trong 5 chuyên ngành này.

Theo học chương trình này, sinh viên sẽ có được một cái nhìn khái quát và linh hoạt được các kiến thức về thế giới và quan hệ quốc tế, liên văn hóa trong một viễn cảnh đa ngành: lịch sử, địa lý, truyền thông, chính trị, kinh tế, nhân chủng học, vv. Đồng thời sinh viên sẽ làm chủ được hai ngoại ngữ thông dụng. Sinh viên cũng phát triển được tính tự chủ cũng như là khả năng phân tích và tổng hợp.

Chính vì vậy, được chọn vào học chương trình này thường là những sinh viên có khả năng học ngoại ngữ, quan tâm chính trị, lịch sử, địa lý và văn hóa của các nước khác nhau và muốn so sánh chúng trong một viễn cảnh quốc tế. Mặt khác, phải có trí tò mò, thích phân tích và giải quyết vấn đề, có tính phê phán và chiến lược, có năng lực làm chủ ngoại ngữ, có khả năng giao tiếp, thích đưa ra các quyết định và dám chịu trách nhiệm.

Sau khi tốt nghiệp các sinh viên này thường được làm việc ở các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan hành chính công và ở các trung tâm, viện nghiên cứu quốc tế học.

Có thể khẳng định rằng đào tạo tích hợp quốc tế học với các ngôn ngữ hiện đại là một mô hình đào tạo hiệu quả phù hợp với xu thế hiện nay và đặc biệt rất thích hợp với các trường đại học ngoại ngữ trong việc mở rộng mục tiêu đào tạo.

### KẾT LUẬN

Quốc tế học là một lĩnh vực nghiên cứu liên ngành. Quốc tế học ngày càng có vị trí quan trọng trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tài nguyên thiên nhiên, môi trường... của thế giới. Mỗi ngày, thậm chí mỗi phút có hàng ngàn sự kiện, sự việc xảy ra ở nơi này hoặc nơi khác trên thế giới. Các sự kiện, sự việc ấy không còn là những vấn đề riêng của một quốc gia, một dân tộc hay của một vùng lãnh thổ mà chúng tác động đến nhiều quốc gia, nhiều dân tộc trên thế giới và mang tính khu vực hay toàn cầu. Nhiệm vụ của nghiên cứu quốc tế học ngày càng khó khăn với nhiều thách thức khi mà các vấn đề quốc tế ngày càng phức tạp và với qui mô ngày càng lớn. Trước bối cảnh quốc tế đó, xu thế nghiên cứu có nhiều thay đổi từ chủ yếu tập trung nghiên cứu về quan hệ quốc tế chuyển sang và mở rộng nghiên cứu các vấn đề thời sự hơn và cấp bách hơn như vấn đề kinh tế, tài chính, văn hóa, môi trường, vv. Phương pháp nghiên cứu cũng có những thay đổi từ chỗ nghiên cứu mô tả là chủ yếu chuyển sang nghiên cứu tương quan nhiều hơn. Đặc biệt, trong đào tạo quốc tế học, tích hợp đào tạo quốc tế học với đào tạo ngoại ngữ đang trở thành một xu thế tất yếu, hiệu quả phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aboelela et al. (2007). Defining Interdisciplinary Research. Conclusion from a Critical Review of the Literature. *Health Services Research*, vol. 42, n° 1: 329-346.
2. Anderson, S. et al. (2008). *International Studies An Interdisciplinarity Approach to Global Issues*. Boulder: Westview Press.
3. Beier, J.-M. et Arnold, L.-S. (2005). Becoming Undisciplined. Toward the Supra-disciplinary Study of Security. *International Studies Review*, vol. 7, n° 1: 41-61.
4. Bradbeer, K. (1999). Barriers to Interdisciplinarity. Disciplinary Discourses and Student Learning. *Journal of Geographic in higher Education*, vol. 23, n° 3: 381-396.
5. Forest, P. et al. (2009). Des Relations internationales aux Études internationales: éléments de construction d'un champ de recherche et d'action interdisciplinaire. *Études internationales*, vol. 40, n° 3: 417-440.
6. Hye, J. A.K. (2004). Can International Studies Research Be the Basis for Undergraduate International Studies Curriculum? A Response to Ishiyama and Breunig. *International Studies Perspectives*, vol. 5, n° 4: 395-399.
7. Lake, D. (2000). *Progress in International Relations. Or, What have You helped Us Understand Lately?* San Diego: University of California.
8. Lengwiler, M. (2006). Between Charisma and Heuristics. Four Styles of Interdisciplinarity. *Sciences and Public Policy*, vol 33; n° 6: 423-434.
9. Moran, M. (2006). Interdisciplinarity and Political Science. *Politics*, vol. 26, no 2: 73-83.
10. Morin, E. (1994). Sur interdisciplinarité *CIRFT*, n° 2.
11. Morin, E. (1997). Réforme de pensée, transdisciplinarité, réforme de l'Université, Communication au Congrès international *Quelle université pour demain? Vers une évolution transdisciplinaire de l'Université*, Locarno, 30 avril-2 mai.
12. Nguyễn Hoa, (2012). Quốc tế học - Một cách nhìn. *Tạp chí khoa học ĐHQGHN, Ngoại ngữ 28*, 157-167.



## SUMMARY

### INTERNATIONAL STUDIES RESEARCH AND TRAINING

**Nguyen Quang Thuan\***

*University of Languages and International Studies  
– Vietnam National University, Hanoi*

Globalisation and international integration have become inevitable in the world. International studies have become increasingly important in political, economic, cultural, environmental and social life in the world and each in country. This paper analyses and explores important concepts in international studies and the distinction between international relations and international studies as well as reviewing the current trends in international studies. The paper explores current areas of research, paradigms and methodologies, characteristics of research in international studies and the integrated training approach in international studies and modern languages in the world.

**Key words:** *intentional relations, international studies, country studies, research in intentional studies, Training in International Studies*

*Ngày nhận bài: 16/02/2016; Ngày phản biện: 26/02/2016, Ngày duyệt đăng 31/3/2016*

**Phản biện khoa học:** *TS. Nguyễn Hữu Hải – Viện Quốc tế Pháp ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội*

\* Tel: 0912004484; Email: ngquangthuan@yahoo.fr